



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 27111000018

ngày 7 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty do Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

2703001077
2703001077

ngày 20 tháng 12 năm 2006
ngày 26 tháng 9 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2703001077 ngày 26 tháng 9 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Dũng
Ông Văn Thanh Liêm
Ông Cao Thanh Bích
Ông Võ Hải Thanh
Ông Nguyễn Hồng Anh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thanh Thủy
Bà Hoàng Thanh Vân
Ông Đặng Hải Hà

Trưởng ban Kiểm soát
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Võ Hải Thanh
Ông Nguyễn Hồng Anh
Ông Hoàng Lâm Hòa

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khối 1, Xã Hưng Đạo
Huyện Hưng Nguyên
Tỉnh Nghệ An
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 29 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

BIA
SÀI GÒN - SÔNG LAM
Võ Hải Thanh
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

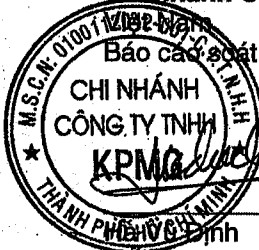
Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Báo cáo soát xét số: 20-01-00254-20-1

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghi
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		326.510.869.421	218.590.766.332
Tiền	110	7	108.032.158.003	13.608.853.476
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		80.000.000.000	80.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8	80.000.000.000	80.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.010.325.196	39.186.732.203
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	58.788.133.129	37.980.039.856
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		179.738.200	890.998.440
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.139.953.867	413.193.907
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(97.500.000)	(97.500.000)
Hàng tồn kho	140	10	76.496.300.937	85.252.708.874
Hàng tồn kho	141		89.795.371.055	99.197.781.411
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.299.070.118)	(13.945.072.537)
Tài sản ngắn hạn khác	150		972.085.285	542.471.779
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		972.085.285	542.471.779
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		527.665.202.721	563.173.527.407
Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000	30.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000	30.000.000
Tài sản cố định	220		513.555.284.412	545.067.196.436
Tài sản cố định hữu hình	221	11	513.555.284.412	545.067.196.436
Nguyên giá	222		1.276.354.920.925	1.269.224.518.816
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(762.799.636.513)	(724.157.322.380)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		91.650.000	91.650.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(91.650.000)	(91.650.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		562.500.000	3.134.294.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	562.500.000	3.134.294.000
Tài sản dài hạn khác	260		13.517.418.309	14.942.036.971
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	10.803.704.286	14.942.036.971
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		2.713.714.023	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		854.176.072.142	781.764.293.739

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

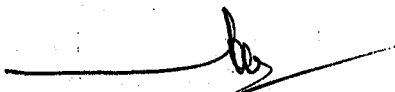
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		326.623.191.471	263.439.038.658
Nợ ngắn hạn	310		326.131.191.471	263.119.038.658
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	51.878.800.285	29.572.133.617
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	93.910.078.423	88.042.315.108
Phải trả người lao động	314		1.220.367.971	4.953.439.421
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	7.904.847.926	9.497.584.693
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	4.306.054.246	4.258.163.693
Vay ngắn hạn	320	18	166.598.146.094	118.766.311.328
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	172.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	312.896.526	7.857.090.798
Nợ dài hạn	330		492.000.000	320.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		320.000.000	320.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		172.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		527.552.880.671	518.325.255.081
Vốn chủ sở hữu	410	20	527.552.880.671	518.325.255.081
Vốn cổ phần	411	21	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	6.516.196.015	6.516.196.015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71.036.684.656	61.809.059.066
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		62.423.220.383	1.320.522.827
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.613.464.273	60.488.536.239
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		854.176.072.142	781.764.293.739

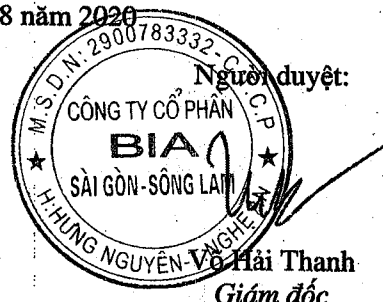
Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Vũ Hải Thanh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	302.691.880.317	485.318.583.271
Giá vốn hàng bán	11	25	283.066.504.211	423.473.327.582
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		19.625.376.106	61.845.255.689
Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.054.418.002	1.357.523.690
Chi phí tài chính	22		4.087.795.031	5.373.656.111
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.087.795.031	5.373.656.111
Chi phí bán hàng	25		416.081.214	730.289.260
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	10.567.733.282	11.055.138.610
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		7.608.184.581	46.043.695.398
Thu nhập khác	31		420.957.000	312.945.768
Chi phí khác	32		313.987	-
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		420.643.013	312.945.768
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.028.827.594	46.356.641.166
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	2.129.077.344	9.271.328.232
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	28	(2.713.714.023)	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		8.613.464.273	37.085.312.934
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	191	737

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Võ Hải Thanh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	8.028.827.594	46.356.641.166
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	38.642.314.133	38.475.227.819
Các khoản dự phòng	03	(646.002.419)	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(3.054.418.002)	(1.348.010.065)
Chi phí lãi vay	06	4.087.795.031	5.373.656.111
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	47.058.516.337	88.857.515.031
Biến động các khoản phải thu	09	(21.433.823.768)	37.055.762.971
Biến động hàng tồn kho	10	9.402.410.356	14.333.107.217
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	28.057.231.893	(16.149.876.697)
Biến động chi phí trả trước	12	3.708.719.179	653.335.488
		66.793.053.997	124.749.844.010
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.081.888.134)	(5.248.189.862)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.010.217.815)	(6.291.954.524)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.930.032.955)	(4.482.988.788)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	48.770.915.093	108.726.710.836
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(3.765.395.669)	(3.718.194.824)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(50.000.000.000)	(71.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	25	50.000.000.000	32.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.871.150.337	1.124.464.860
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.894.245.332)	(41.593.729.964)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
Mã số	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	333.084.366.838	518.623.405.497
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(285.252.532.072)	(548.723.492.932)
Tiền chi trả cổ tức	36	(285.200.000)	(1.349.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	47.546.634.766	(31.449.887.435)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	94.423.304.527	35.683.093.437
Tiền đầu kỳ	60	13.608.853.476	17.526.002.982
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 7)	70	108.032.158.003	53.209.096.419

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Võ Hải Thanh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSL.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 202 nhân viên (1/1/2020: 205 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Ảnh hưởng của Covid-19 và các quy định mới

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ, do đó ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất kinh doanh bia rượu. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Tiền

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	222.348.730	420.348.730
Tiền gửi ngân hàng	107.809.809.273	13.188.504.746
	<hr/>	<hr/>
	108.032.158.003	13.608.853.476
	<hr/>	<hr/>

8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 6,6% đến 8,2% một năm (1/1/2020: 7,0% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	57.260.736.258	37.502.899.391
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Saco Đại Thành	1.515.956.871	352.015.465
Các khách hàng khác	11.440.000	125.125.000
	58.788.133.129	37.980.039.856

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
<i>Công ty mẹ</i> Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	57.260.736.258	37.502.899.391
<i>Bên liên quan khác</i> Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	-	125.125.000

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

10. Hàng tồn kho

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.404.755.111	-	2.938.371.234	-
Nguyên vật liệu	23.279.489.988	-	26.740.701.508	-
Công cụ và dụng cụ	26.833.113.101	(13.299.070.118)	26.397.871.079	(13.945.072.537)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.283.232.025	-	25.069.416.876	-
Thành phẩm	6.994.780.830	-	18.051.420.714	-
	89.795.371.055	(13.299.070.118)	99.197.781.411	(13.945.072.537)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sóng Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	218.760.503.022	1.031.351.453.893	7.650.541.526	9.759.967.868	1.702.052.507	1.269.224.518.816
Tăng trong kỳ	-	351.188.000	-	319.358.000	-	670.546.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.677.159.340	1.782.696.769	-	-	-	6.459.856.109
Số dư cuối kỳ	223.437.662.362	1.033.485.338.662	7.650.541.526	10.079.325.868	1.702.052.507	1.276.354.920.925
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	67.775.008.298	640.579.635.141	7.169.719.302	7.229.368.071	1.403.591.568	724.157.322.380
Khấu hao trong kỳ	5.257.056.008	32.733.383.788	43.999.998	567.961.019	39.913.320	38.642.314.133
Số dư cuối kỳ	73.032.064.306	673.313.018.929	7.213.719.300	7.797.329.090	1.443.504.888	762.799.636.513
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	150.985.494.724	390.771.818.752	480.822.224	2.530.599.797	298.460.939	545.067.196.436
Số dư cuối kỳ	150.405.598.056	360.172.319.733	436.822.226	2.281.996.778	258.547.619	513.555.284.412

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản cố nguyên giá 11.967 triệu VND (1/1/2020: 11.912 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	3.134.294.000	562.500.000
Tăng trong kỳ	3.888.062.109	2.486.150.617
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.459.856.109)	(2.486.150.617)
Số dư cuối kỳ	562.500.000	562.500.000

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	13.315.484.045	1.624.419.340	2.133.586	14.942.036.971
Tăng trong kỳ	972.388.327	-	-	972.388.327
Phân bổ trong kỳ	(4.560.858.707)	(547.728.719)	(2.133.586)	(5.110.721.012)
Số dư cuối kỳ	9.727.013.665	1.076.690.621	-	10.803.704.286

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	42.019.915.754	15.758.874.428
Công ty TNHH Điện hơi Công nghiệp Tín Thành	1.616.699.440	3.519.197.578
Các nhà cung cấp khác	8.242.185.091	10.294.061.611
	51.878.800.285	29.572.133.617

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	42.019.915.754	15.758.874.428
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	73.315.000	73.315.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	2.169.904.866

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ cán trừ trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	72.469.271.050	307.248.176.924	(297.746.954.383)	81.970.493.591
Thuế giá trị gia tăng	9.050.467.025	61.025.031.294	(60.004.629.171)	10.070.869.148
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.486.905.990	2.129.077.344	(7.010.217.815)	1.605.765.519
Thuế thu nhập cá nhân	35.671.043	715.335.283	(488.056.161)	262.950.165
	88.042.315.108	371.117.620.845	(365.249.857.530)	93.910.078.423

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí lãi vay	4.438.429.679	4.432.522.782
Chi phí phải trả khác	3.466.418.247	5.065.061.911
	7.904.847.926	9.497.584.693

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải trả	3.396.863.882	3.682.063.882
Phải trả ngắn hạn khác	909.190.364	576.099.811
	4.306.054.246	4.258.163.693

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2020	Biến động trong kỳ		30/6/2020
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	118.766.311.328	333.084.366.838	(285.252.532.072)	166.598.146.094

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh (*)	VND	5,2% - 7,0%	166.598.146.094	118.766.311.328

(*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 300 tỷ VND và được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 513.555 triệu VND (1/1/2020: 545.067 triệu VND) (Thuyết minh 11) và quyền sử dụng đất số AI189767 ngày 22 tháng 5 năm 2009.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	7.857.090.798	4.889.008.995
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 20)	-	3.904.247.718
Điều chỉnh quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 20)	(614.161.317)	-
Sử dụng trong kỳ	(6.930.032.955)	(4.840.413.633)
Số dư cuối kỳ	312.896.526	3.952.843.080

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019

Lợi nhuận thuần trong kỳ
Cổ tức
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)
Trích quỹ công tác xã hội

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
	450.000.000.000	6.516.196.015	28.320.522.827	484.836.718.842
	-	-	37.085.312.934	37.085.312.934
	-	-	(27.000.000.000)	(27.000.000.000)
	-	-	(3.904.247.718)	(3.904.247.718)
	-	-	(132.150.582)	(132.150.582)

Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2019

Lợi nhuận thuần trong kỳ
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi
Trích quỹ công tác xã hội

	450.000.000.000	6.516.196.015	34.369.437.461	490.885.633.476
	-	-	31.476.019.905	31.476.019.905
	-	-	(3.904.247.718)	(3.904.247.718)
	-	-	(132.150.582)	(132.150.582)

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020

Lợi nhuận thuần trong kỳ
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)

	450.000.000.000	6.516.196.015	61.809.059.066	518.325.255.081
	-	-	8.613.464.273	8.613.464.273
	-	-	614.161.317	614.161.317

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

	450.000.000.000	6.516.196.015	71.036.684.656	527.552.880.671
--	-----------------	---------------	----------------	-----------------

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

23. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.239.041.000	857.528.064
Từ hai đến năm năm	4.956.164.000	3.430.112.256
Sau năm năm	41.817.633.750	29.370.336.192
	48.012.838.750	33.657.976.512

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	300.912.000.186	479.539.116.234
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	608.160.177.110	945.398.981.660
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(307.248.176.924)	(465.859.865.426)
▪ Doanh thu khác	1.779.880.131	5.779.467.037
	302.691.880.317	485.318.583.271

25. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	282.337.221.701	416.411.139.938
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(646.002.419)	
▪ Giá vốn khác	1.375.284.929	7.062.187.644
	283.066.504.211	423.473.327.582

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên	3.942.076.937	5.195.287.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.558.787.570	1.652.642.731
Thuế và lệ phí	622.520.500	431.764.000
Chi phí khấu hao	414.710.464	423.182.726
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	1.307.457.852	251.415.995
Chi phí quản lý khác	2.722.179.959	3.100.845.472
	10.567.733.282	11.055.138.610

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	217.260.532.421	332.671.079.958
Chi phí khấu hao	38.642.314.133	38.475.227.819
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.543.473.000	27.046.702.573
Chi phí nhân công và nhân viên	15.951.840.842	16.754.849.118
Chi phí khác	9.812.948.134	8.525.468.114

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	1.605.765.519	9.271.328.232
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	523.311.825	-
	2.129.077.344	9.271.328.232
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(2.713.714.023)	-
	(584.636.679)	9.271.328.232

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.028.827.594	46.356.641.166
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.605.765.519	9.271.328.232
Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trong các năm trước	(2.713.714.023)	-
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	523.311.825	-
	(584.636.679)	9.271.328.232

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	8.613.464.273	37.085.312.934
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.904.247.718)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	8.613.464.273	33.181.065.216

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 30 tháng 6 năm 2019. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác trong báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	668.976.194.821	948.185.223.660
Mua nguyên vật liệu	199.874.162.891	288.327.306.225
Cổ tức	-	18.570.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua vỏ chai	943.999.056	4.385.890.000
Phí sử dụng vỏ chai	-	1.163.419.999
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh		
Mua nguyên vật liệu	439.890.000	439.890.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Mua hàng hóa	1.078.017.688	945.681.510
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua công cụ dụng cụ	65.557.800	141.411.150
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	180.400.000	91.520.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh		
Thuê công cụ và dụng cụ	190.453.442	-
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	630.000.000	840.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	342.760.000	343.046.000

32. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Cổ tức công bố sau khi kết thúc kỳ kế toán

Sau khi kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã công bố khoản cổ tức cho các cổ đông là 58.500 triệu VND (tương đương 1.300 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết ngày 22 tháng 7 năm 2020. Số cổ tức phải trả chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính giữa niên độ này.

33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số liệu so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Võ Hải Thanh
Giám đốc